

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2020/DS-ST
Ngày: 29/9/2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên

2. Ông Phan Văn Chín

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-DS ngày 11/6/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 569/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X

Địa chỉ: A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Quang Tấn H, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: B Huỳnh Tấn Phát, khu phố 4, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C Huỳnh Tấn Phát, tổ 8, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đinh Quang Tấn H trình bày:

Ngày 13/12/2018, bà Nguyễn Thị Kiều M có ký với Ngân hàng X– Chi nhánh Nhà Bè (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 (bao gồm

Giấy đề nghị vay vốn, hợp đồng tín dụng, biên bản định giá tài sản thế chấp và Giấy nhận nợ) vay số tiền 1.000.000.000 đồng.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay này là Hợp đồng thế chấp tài sản: Xe ô tô con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300 biển kiểm soát 51F-979.95, số khung: RLMWF4JX5GV002918, số máy: 27492030783618, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426752 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều M và Hợp đồng mua bán xe số 010744 do Văn phòng Công chứng Toàn Cầu, Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 13/12/2018.

Bà M đã nhận đủ số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Nhưng tính đến ngày 26/6/2020, thì bà M chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 252.550.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng này là 747.450.000 đồng mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà M không hợp tác.

Ngày 13/05/2019, bà Nguyễn Thị Kiều M có ký với Ngân hàng X – Chi nhánh Nhà Bè (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 2.15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 407.539.600 đồng, nhưng đến ngày 05/04/2020, bà M lại không thanh toán cho khoản thẻ tín dụng trên dẫn đến bị nợ quá hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ lúc kích hoạt thẻ đến nay, bà M chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 320.520.417 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà M không có thiện chí trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Kiều M đã không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 với Ngân hàng. Tính đến ngày 29/9/2020, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền 895.496.873 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018, (trong đó nợ gốc 747.450.000 đồng, nợ lãi là 148.046.873 đồng) và số tiền 116.164.265 đồng (Một trăm mười sáu triệu một

trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019, (trong đó nợ gốc là 109.863.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.688 đồng).

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Kiều M phải trả số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2020 của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên tổng cộng số tiền là 1.011.661.138 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn một trăm ba mươi tám đồng). Ngoài ra bà Nguyễn Thị Kiều M còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 mà hai bên đã ký kết. Yêu cầu bà M trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà Nguyễn Thị Kiều M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là : Xe ô tô con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300, số khung: RLMWF4JX5GV002918, số máy: 27492030783618, Biển kiểm soát 51F-979.95, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426752 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều M. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 08/5/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Kiều M là bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà M nhưng bà M đều không đến Tòa án để làm việc hoặc có văn bản phản hồi ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm theo luật định. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Toà án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện do có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều M mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng X Cổ phần Sài Gòn Thương

Tín (Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều M phải trả cho Ngân hàng số tiền 895.496.873 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 (trong đó nợ gốc 747.450.000 đồng, nợ lãi là 148.046.873 đồng) và số tiền 116.164.265 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019, (trong đó nợ gốc là 109.863.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.688 đồng). Tổng cộng số tiền Ngân hàng yêu cầu bà M thanh toán tạm tính đến ngày 29/9/2020 của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.011.661.138 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn một trăm ba mươi tám đồng). Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện và thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét Giấy đề nghị vay vốn kiêm phê duyệt cấp tín dụng, Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 368/2018/HĐTC/SACOMBANK-NB ngày 13/12/2018 và Giấy nhận nợ ký ngày 13/12/2018 có đủ cơ sở xác định:

Ngày 13/12/2018, bà Nguyễn Thị Kiều M có vay của Ngân hàng X số tiền gốc là 1.000.000.0000 đồng (Một tỷ đồng đồng) với lãi suất cố định 06 tháng đầu 11.5%/năm, được áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên. Từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 4-5%, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay để tiêu dùng mua xe ô tô; Thời hạn vay 60 tháng; số kỳ trả nợ: 60 kỳ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/01/2019, kỳ trả nợ cuối cùng sẽ trả vào ngày đáo hạn quy định trong Hợp đồng; Số tiền trả mỗi kỳ: 16.670.000 đồng, số tiền trả kỳ cuối: 16.470.000 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng.

Bà M đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân mua xe ô tô. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 26/6/2020, bà M chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 252.550.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng này là 747.450.000 đồng. Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà M không có thiện chí hợp tác. Tính đến ngày 29/9/2020, bà M còn nợ lại Ngân hàng số tiền tạm tính là 895.496.873 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 747.450.000 đồng và nợ lãi là 148.046.873 đồng.

Xét, Hợp đồng thế chấp tài sản số 368/2018/HĐTC/SACOMBANK-NB ngày 13/12/2018 giữa Ngân hàng X với bà Nguyễn Thị Kiều M được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch đảm bảo nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, bà M đã dùng tài sản là chiếc xe ô tô con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300, số khung: RLMWF4JX5GV002918, số máy: 27492030783618, Biển kiểm soát 51F-979.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426752 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều M để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 368/2018/HĐTC/SACOMBANK-NB ngày 13/12/2018 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 10/8/2020, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tình trạng thực tế hiện nay của chiếc xe ô tô trên nhưng tại địa chỉ cư trú của bà M ở số 2474 Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận không có chiếc xe con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300, Biển kiểm soát 51F-979.95 tại địa chỉ trên.

Tại Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè yêu cầu bà M cung cấp thông tin về tình trạng thực tế của chiếc xe ô tô con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300, Biển kiểm soát 51F-979.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426752 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều M, hiện nay có giao dịch,

cầm cố, thế chấp cho người thứ ba không? Xe đang đậu tại đâu và đề nghị cung cấp cho Tòa án thông tin họ tên, địa chỉ cư trú của người đang quản lý, sử dụng chiếc xe trên nhưng bà M không có ý kiến, vẫn bản trả lời cho Tòa án. Do đó, Tòa án không xác định được tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nêu trên hiện nay ai đang quản lý, sử dụng, có cầm cố, thế chấp cho người thứ ba hay không để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3.2] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ký ngày 13/5/2019 có đủ cơ sở xác định:

Ngày 13/05/2019, bà Nguyễn Thị Kiều M có ký với Ngân hàng X Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Nhà Bè (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 2.15%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 407.539.600 đồng. Kể từ ngày 05/04/2020, bà M chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 320.520.417 đồng, không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào của Hợp đồng trên dẫn đến bị nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2020, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền 116.164.265 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019, (trong đó nợ gốc là 109.863.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.688 đồng).

[3.3] Bà Nguyễn Thị Kiều M đã không thực hiện đúng cam kết theo Hợp

đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 với Ngân hàng X Cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Tính đến ngày 29/9/2020, bà M còn nợ Ngân hàng số tiền 895.496.873 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 (trong đó nợ gốc 747.450.000 đồng, nợ lãi là 148.046.873 đồng) và số tiền 116.164.265 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019, (trong đó nợ gốc là 109.863.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.688 đồng). Tổng cộng Ngân hàng yêu cầu bà M thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2020 của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.011.661.138 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn một trăm ba mươi tám đồng) nên nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất cho vay của Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018: Lãi suất cố định 06 tháng đầu 11.5%/năm, được áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên. Từ tháng thứ 7 kể từ ngày ký Hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 4.5%, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần; Lãi suất cho vay của Hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 là: 2.15%/ tháng, phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã sửa đổi bổ sung năm 2017: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài từ ngày 05/4/2020 (theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019) và ngày 26/6/2020 (theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018) đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều M phải trả ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/9/2020 của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.011.661.138 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn một trăm ba mươi tám đồng). Ngoài ra bà Nguyễn Thị Kiều M còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thi hành xong theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 mà hai bên đã ký kết là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Kiều M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 895.496.873 đồng (Tám trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 (Trong đó nợ gốc: 747.450.000 đồng, nợ lãi là: 148.046.873 đồng) và số tiền 116.164.265 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019 (Trong đó nợ gốc là: 109.863.577 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.688 đồng). Tổng cộng bà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2020 của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1.011.661.138 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn một trăm ba mươi tám đồng). Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Kiều M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là chiếc xe ô tô con 05 chỗ hiệu Mercedes-Benz loại C300, số khung: RLMWF4JX5GV002918, số máy: 27492030783618, Biển kiểm soát 51F-979.95 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 426752 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 cho bà Nguyễn Thị Kiều M đứng tên trên giấy đăng ký xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 368/2018/HĐTC/SACOMBANK-NB ngày 13/12/2018 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kiều M thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD 1834700400 ký ngày 13/12/2018 và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 13/5/2019.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kiều M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.349.834 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng).

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng X toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.799.078 đồng (Mười tám triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn không trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0072715 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh